

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2023

V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Diệp

Ông Trần Văn Bé Hai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình - **Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 583/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H, ông C có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại tòa án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà H và Ông C được mai mối, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. **Sau thời gian sống chung, bà H và ông C có được 02 người con, các con trưởng thành và tự lập. Trong thời gian sống, ông C không chú**

tâm làm ăn, thường xuyên nhậu, chửi mắng vợ con. Bà H không chịu nổi nên đi làm ăn xa, vợ chồng không còn sống chung hơn 04 năm nay. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông C, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1993 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1995. Hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Theo lời trình bày tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C thống nhất chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1992 cho đến nay, vợ chồng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, thời gian sau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng ly thân hơn 04 năm nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Ông C đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1993 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1995. Hiện tại các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy khai sinh Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1993 (Bản sao);
2. Giấy khai sinh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1995 (Bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 09/11/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai tại Tòa án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn C, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là

“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – **Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung**” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: nguyên đơn bà H, bị đơn ông C có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà H và ông C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của bà H và ông C đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*...”. Vì vậy, không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H và ông C thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1993 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1995. Hiện tại các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết **nên Hội đồng xét xử không xem xét.**

- Về tài sản chung: Bà H và ông C trình bày thống nhất **vợ chồng tự thỏa thuận**, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông C trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[5]. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai số 0004638 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1993 và Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1995. Hiện đã trưởng thành, bà H, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai **thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004638** ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Kim Hoa